

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2021/HC-PT

Ngày: 31/5/2021

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính
về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất
đai thuộc trường hợp cấp Giấy chứng
nhận QSD đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Vũ Hồng Cường, Kiểm sát viên cao
cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào các ngày 24/5/2021 và ngày 31/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án Hành chính phúc thẩm, thụ
lý số 204/2020/TLPT-HC ngày 09/3/2020, về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp cấp Giấy chứng
nhận QSD đất*”, giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Đỗ Thị Nh**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 17/23C LVT, P.4, Tp.T, tỉnh Long An (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện:

Luật sư Nguyễn Hoàng L, Đoàn LS tỉnh Long An (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Văn L, Phó Chủ tịch UBND huyện (Có VB xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Trần Bá Tr, Phó Trưởng phòng TN&MT huyện Đ (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Q (sinh năm
1930, chết 2021): Bà Võ Ngọc D, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Bích Th, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 01 TM, phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Huỳnh Tuyết H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 17/23C LVT, P.4, Tp.T, tỉnh Long An (Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Văn Q, UBND huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện bà Đỗ Thị Nh do ông Võ Văn V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 1975, vợ chồng bà Đỗ Thị Nh có khai hoang phục hóa các thửa đất số 1825, 1826, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3 và thửa số 36, tờ bản đồ số 02 cùng tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà Nh đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 1975 đến nay.

Năm 1995, bà Nh đã cho cháu là Huỳnh Tuyết H 02 thửa 1828 và 1836 và bà H sử dụng từ năm 1995 cho đến nay.

Tuy nhiên, UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất trên cho ông Võ Văn Q. Nay bà Đỗ Thị Nh khởi kiện yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Q đối với 04 thửa 1825, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3, tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, để cấp lại cho bà Nh và bà H. Riêng 02 thửa 1826 và 36 thì do UBND huyện Đ chưa cấp cho ai nên bà Nh yêu cầu UBND huyện Đ phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh.

Theo Văn bản và lời khai của phía người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Về nguồn gốc các thửa đất số 1815, 1837, 1828, 2836 tờ bản đồ số 3, xã M là đất họ tộc của ông Võ Văn H, ông đại diện họ tộc đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sau này chia cho con cháu trong họ tộc. Khi ông Võ Văn H chết, ông Võ Văn Q đã đứng tên thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình sử dụng của các thửa đất nêu trên: Từ năm 1975 đến 1993, đất bỏ hoang không ai khai vỡ, không ai sản xuất trên đất. Từ năm 1991 đến năm 1998, ông Võ Văn B chồng bà Đỗ Thị Nh khai hoang sản xuất nhưng không sản xuất liên tục. Từ năm 1998 đến năm 2019, bà Đỗ Thị Nh trực tiếp sản xuất. Năm 1997, ông Võ Văn H đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 45 thửa, với tổng diện tích là 145.799m²

Năm 2000, ông H chết, ông Võ Văn Q thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 01/12/2006. Sau đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 04/2007 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q hết 45 thửa, diện tích 145.799m². Trong đó có các thửa số 1825, 1837, 1828 và 1836, tờ bản đồ số 3.

Năm 1997, ông Võ Văn B chồng của bà Nh đăng ký kê khai. Hiện nay việc chỉnh lý biến động đất đai tại các thửa đất số 1825, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3 không thay đổi so với bản đồ 299. Riêng các thửa 1826 và thửa 36 hiện UBND huyện Đ chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Tuyết H trình bày:

Bà H là cháu của bà Đỗ Thị Nh, đất trên do bà Nh là người khai hoang phục hóa các thửa đất số 1825, 1837, 1828, 1836, 1826 tờ bản đồ số 3 và thửa 36 tờ bản đồ số 2, tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An từ năm 1975.

Đến nay 1995, bà Nh cho vợ chồng bà H 02 thửa 1828 và 1836 để bà H canh tác đến nay. Nay bà Đỗ Thị Nh khởi kiện thì bà H cũng yêu cầu UBND huyện Đ xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Q đối với 02 thửa 1828 và 1836, tờ bản đồ số 3, tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để cấp lại cho đúng đối tượng là bà H. Lý do bà H và bà Nh là Nh người canh tác trên đất nhưng UBND huyện Đ lại cấp giấy cho ông Q là không đúng đối tượng.

Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Q, do bà Võ Bích Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Võ Văn Q không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Nh và bà Huỳnh Tuyết H. Lý do nguồn gốc đất ông Q được thừa kế từ cha là Võ Văn H. Ngày 06/7/2003, tại Biên bản họp thân tộc bà Đỗ Thị Nh thừa nhận có làm số đất của ông bà, nếu lấy lại thì trả, còn nếu bán giá thỏa thuận thì bà Nh mua. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Nh và bà Huỳnh Tuyết H.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Nh và yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết H về việc đòi hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Hủy 01 phần Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q khu đất tọa lạc tại ấp M, xã M đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 tờ bản đồ số 03.

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01198, H 01177, H 01184 và H 01169 cùng ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn Q đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1825, 1828, 1837 và 1836 tờ bản đồ số 03 đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm tiếp nhận đơn và xem xét giải quyết đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Nh đối với thửa 1826 và 36 tờ bản đồ số 03 và số 02 tọa lạc Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đúng theo quy định pháp luật.

Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ 1.600.000đồng do bà Đỗ Thị Nh tự nguyện chịu, bà Nh đã nộp xong.

Về án phí Hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp số tiền 300.000đồng. Hoàn trả cho bà Nh và bà H mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí HCST, theo Biên lai thu số 0000287 ngày 07/03/2019 và Biên lai thu số 0000365 ngày 18/4/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/9/2019, ông Võ Văn Q làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình ông, xin được phúc xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nh và bà H.

Ngày 26/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Thời hiệu khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã hết và việc Ủy ban cấp giấy cho ông Q là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị phúc xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện và Luật sư cho rằng, về thủ tục khởi kiện đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, về nội dung UBND huyện Đ đã cấp sai diện tích đất, cấp sai về đối tượng và vượt hạn mức theo thẩm quyền cấp Giấy chứng

nhận mà Luật Đất đai đã quy định, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Nh là có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phía người bị kiện thì cho rằng, Giấy chứng nhận được cấp cho ông Q là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm Luật Đất đai có hiệu lực pháp luật không vi phạm về hạn mức như phía người khởi kiện đưa ra, diện tích đất này thuộc tài sản và quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông H tạo lập không phải đất do nhà nước giao khoán cho các thành viên của hộ gia đình. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận diện tích đất trên không có tranh chấp, nên việc cấp Giấy chứng nhận này phù hợp với Luật Đất đai. Về thời hiệu khởi kiện đã hết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý là chưa đúng. Phía bà Nh, bà H chưa từng làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận, nhưng Tòa án buộc UBND thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận là chưa đúng. Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nh, bà H vì hết thời hiệu và chưa đúng quy định pháp luật.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà Th đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q thì cho rằng, Đơn khởi kiện của phía người khởi kiện đã làm không đúng quy định của pháp luật và không đúng thời hiệu khởi kiện, người khởi kiện vừa nộp đơn khởi kiện mà lại vừa khiếu nại là chưa đúng với trình tự thủ tục của Luật tố tụng Hành chính. Theo quy định của luật đất đai 1993 thì việc cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất không cần có ý kiến của những người xung quanh, thủ tục khai nhận di sản thừa kế của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên buộc UBND Đ cấp Giấy chứng nhận cho phía người khởi kiện là sai với quy định, vì phía bà Nh, bà H chưa từng làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận. Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nh, bà H vì hết thời hiệu và chưa đúng quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án Hành chính khi thời hiệu khởi kiện đã hết, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn Q và Ủy ban nhân dân huyện Đ làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nh và yêu cầu độc lập của bà H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và “Khiếu kiện Hành vi hành chính về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Các quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 31, Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1] Những căn cứ xác định nội dung giải quyết:

Căn cứ Biên bản cuộc họp thân tộc ngày 06/7/2003, ghi nhận ý kiến của bà Nh, có nội dung: *Đất này bà sử dụng là đất của ông bà nếu có lấy lại thì bà Nh đồng ý trả, còn nếu bán thì bà đồng ý mua.*

Căn cứ Đơn đề ngày 24/6/2011 của bà Nh, có nội dung: *Khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa 36 diện tích 4.237m², thửa 1825, 1837 tờ bản đồ số 3, diện tích 5.434m²*

Căn cứ Đơn đề ngày 04/7/2018 của bà Nh, có nội dung: *Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông H.*

Căn cứ Văn bản số 56 ngày 09/7/2018 UBND huyện Đức, có nội dung: *Chuyển đơn của bà Nh về Ủy ban xã M để hòa giải và hướng dẫn nếu không hòa giải được thì khởi kiện tại Tòa án theo quy định.*

Căn cứ Biên bản tiếp công dân số 71 ngày 29/10/2018 của VP UBND huyện Đ lập, có nội dung: *Từ năm 1993 đến năm 1997 bà Nh đã khiếu nại đến UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất, đến 06/2011 bà cũng tiếp tục khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận vì cho rằng đã cấp sai đối tượng, ông C là Phó VP UBND huyện Đ nhận đơn, nhưng đã không giải quyết vì vậy UBND huyện đã tiến hành việc kiểm điểm đối với những cá nhân không thực hiện việc giải quyết khiếu nại này. UBND giải thích trường hợp tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết*

của Tòa án, dự buổi họp có ông Ng, bà Th, ông Đ và bà Nh, bà H, bà Ch, ông L, bà T trình bày ý kiến và ký tên vào Biên bản.

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 05/3/2019 của bà Nh, bà H, có nội dung: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất và đòi UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho phía bà Nh, bà H.

Căn cứ đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2019 của bà Nh, có nội dung: Năm 1975 vợ chồng bà sử dụng đất nguồn gốc là khai phá đất hoang, hiện không có tranh chấp, tôi có đến Ủy ban xã nhiều lần xin kê khai đăng ký sử dụng đất nhưng cán bộ xã nói chưa có bản đồ nên chưa đăng ký được, tôi có hỏi thì được biết Ủy ban huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, tôi đã làm nhiều đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết.

[2.2] Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định:

Diện tích đất liên quan đến tranh chấp có nguồn gốc do ông H là cha của ông Q được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, đến năm 2000 thì ông H chết, ông Q (con ông H) được cấp Giấy chứng nhận vào năm 2002.

Cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận trên không đúng quy định pháp luật, nên bà Nh, bà H đòi hủy Giấy chứng nhận QSD đất nêu trên và đòi UBND huyện cấp Giấy chứng nhận phần đất trên cho bà Nh và bà H.

Do phía UBND huyện Đ không đồng ý với yêu cầu của bà Nh, bà H, nên từ đó các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[2.3] Xét:

[2.3.1] Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc đòi hủy Giấy chứng nhận QSD đất:

Theo Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, quy định về thời hiệu khởi kiện như sau:

Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

Thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính là 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được QĐHC, HVHC.

Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện là:

01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại.

Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của bà Nh, bà H thì thấy: Theo hồ sơ thể hiện, bà Nh, bà H đều xác định là đã có làm đơn khiếu nại từ 06/2011, tại thời điểm này phía đương sự đã nhận biết được Quyết định hành chính là Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Đ cấp cho ông H, ông Q, khi nộp đơn khiếu nại, hết thời hạn giải quyết khiếu nại, cơ quan giải quyết khiếu nại đã không giải quyết trong thời hạn một năm, thì bà Nh, bà H có quyền khởi kiện vụ án hành chính. Nhưng đến năm 2019 bà Nh, bà H mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện, như điều luật đã viện dẫn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với đơn khởi kiện nêu trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, trong trường hợp này để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm hướng dẫn các đương sự khởi kiện thành vụ án tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất, trong đó có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất theo thủ tục tố tụng Dân sự.

Do đó có cơ sở hủy Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất của người khởi kiện.

[2.3.2] Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc đòi UBND huyện Đ thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận QSD đất:

Theo trình bày của phía UBND huyện Đ và theo các tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện có việc bà Nh, bà H thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía UBND huyện Đ cũng chưa có Văn bản thể hiện hành vi từ chối cấp Giấy chứng nhận QSD đất hoặc không thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo yêu cầu của đương sự.

Do đó yêu cầu khởi kiện này của bà Nh, bà H thuộc trường hợp không đủ điều kiện khởi kiện, được pháp luật quy định tại Điều 115 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và buộc UBND huyện Đ thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là chưa đúng quy định pháp luật, như đã viện dẫn, nên cấp phúc thẩm có cơ sở hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu này của đương sự.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính vì hết thời hiệu khởi kiện, nên phía người khởi kiện không phải chịu án phí HCST.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí HCPT.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

Căn cứ Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy Bản án Hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Nh, bà Huỳnh Tuyết H mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí HCST theo các Biên lai thu số 0000287 ngày 07/3/2019 và số 0000365 ngày 18/4/2019 đều của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

3/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không phải chịu. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện Đ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000596 ngày 26/9/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN